

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày 21-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phương Nghĩa,

Bà Nông Thị Vân.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Bà Mã Thị Mộng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức Q** (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1996 tại Y, Yên Bái.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1962 và bà Trần Thị P, sinh năm 1963; vợ: Lô Thị H, sinh năm 1996 (đã ly hôn), con: 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2024 đến ngày 05/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Đức H1** (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1995 tại T, Thanh Hóa.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng G, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2024 đến ngày 05/02/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết thúc cuộc điều tra đã xác định được như sau: Hồi 21 giờ 00 ngày 24/01/2024, tổ công tác Công an huyện H chủ trì phối hợp với Phòng An ninh đối ngoại Công an tỉnh C thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại đoạn đường H thuộc địa phận B, xã N, huyện H thì phát hiện 02 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha đang di chuyển theo hướng H về thành phố C có biểu hiện nghi vấn nên dừng xe kiểm tra. Kết quả xác định: Lái xe biển kiểm soát 21D1-244.93 là Nguyễn Đức Q, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái chở theo Lê Minh T2, sinh năm 1997, trú tại số A thôn C, trấn H, thành phố H, tỉnh Quảng Châu, Trung Quốc. Lái xe biển kiểm soát 21EA- 226.58 là Lê Đức H1, sinh năm 1995, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Yên Bái chở theo Nguyễn Kiên H2, sinh năm 2003, trú tại số B thôn H, trấn B, huyện N, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Cả hai người Trung Quốc này đều không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam. Tổ công tác đã đưa người và phương tiện về trụ sở để tiếp tục làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau:

Khoảng cuối tháng 12/2023, thông qua một hội nhóm trên mạng xã hội Facebook có bài viết đăng tin tìm người chở khách từ Cao Bằng về Hà Nội và ngược lại nên Q vào bình luận thì có một người đàn ông tự giới thiệu tên là H3 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) nhắn tin đặt vấn đề thuê Q lên Cao Bằng chở khách đưa về đến Hà Nội, tiền công là 3.000.000đ/người, Q đồng ý và nói lại việc này cho Lê Đức H1 biết. Sau khi nói chuyện xong, H1 ngỏ ý muốn cùng Q lên Cao Bằng đón khách nên Q nhắn tin lại cho H3 thì được người này đồng ý. Từ ngày 08/01/2024 đến ngày 22/01/2024, H3 đã 04 lần thuê Q với H1 lên Cao Bằng chở khách về Hà Nội và ngược lại, những lần này khách đều là người Trung Quốc

nhưng H1 với Q không biết có phải là người có mục đích xuất nhập cảnh trái phép hay không vì cả hai người đều không biết tiếng Trung Quốc nên không giao tiếp được với họ và cũng không hỏi lại H3. Đến ngày 23/01/2024, H3 gọi điện cho Q và H1 bảo lên Cao Bằng đón 02 người Trung Quốc đưa về đến Hà Nội, tiền công vẫn là 3.000.000đ/người. Khoảng 01 giờ ngày 24/01/2024, Q với H1 lên đến thành phố C và thông báo lại cho H3 biết thì được yêu cầu thuê phòng nghỉ để nghỉ ngơi chờ khách và cho biết sẽ có người khác gọi điện hướng dẫn địa điểm đón người cụ thể. H1 với Q làm theo yêu cầu của H3, trong quá trình nghỉ ngơi, nói chuyện, H1 với Q xâu chuỗi lại trong tất cả các lần đón khách đều được yêu cầu đón ở những nơi vắng, ít nhà dân và phần lớn đón vào buổi tối, nếu khách đi du lịch hoặc công tác thì sẽ thuê xe Taxi cho an toàn chứ không thuê xe máy chở đi quãng đường xa như vậy. Lúc này, H1 và Q nhận thức được những người khách mình được thuê đến đón là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và việc H3 thuê xe máy để đón, chở người là để tránh bị lực lượng chức năng phát hiện nhưng do đã nhận lời với H3 nên vẫn đợi để đón khách theo thỏa thuận trước đó.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/01/2024, có người đàn ông không quen biết sử dụng số điện thoại 0796 938 126 gọi cho Q hướng dẫn đến chợ N, huyện H để đón khách. Quảng với H1 điều khiển xe đi theo hướng dẫn trên G1 lên H, quá trình di chuyển, có người đàn ông khác sử dụng số điện thoại 0327 497 734 gọi cho Q hướng dẫn đến một địa điểm vắng vẻ không có nhà dân, cách chợ N khoảng 05km để đón người và yêu cầu bấm còi xe để làm ám hiệu. Khi đến điểm hẹn, Quảng bấm còi xe máy thì có 02 người đàn ông Trung Quốc từ trên đồi đi xuống ngồi lên xe của Q, H1. Khi H1 và Q đang điều khiển xe chờ theo mỗi xe 01 người đàn ông Trung Quốc di chuyển theo hướng từ H về thành phố C, đến địa phận Bản Bó, xã N, huyện H thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, đưa về làm việc.

Ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này, Q và H1 còn khai nhận trước đó đã thực hiện việc đón khách Trung Quốc nhiều lần nhưng ngoài lời khai thì không có nhân chứng và cũng không có tài liệu khác. Các bị cáo cũng không biết những người khách này có phải xuất nhập cảnh trái phép hay không nên cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSCB-P1 ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1 về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Đức Q và Lê Đức H1 thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo, không có ý kiến thắc mắc gì.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1 về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức Q và Lê Đức H1 phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo: xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1 mỗi bị cáo từ 15 - 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 - 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với 02 điện thoại, 02 xe mô tô thu giữ của các bị cáo là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Đức Q và Lê Đức H1 không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau về quá trình trao đổi, di chuyển đón người nhập cảnh trái phép cho đến khi bị bắt về thời gian, địa điểm, số lượng người; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do lực lượng chức năng lập hồi 21 giờ 00 phút ngày 24/01/2024 tại địa phận xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Lời khai của 02 công dân nhập cảnh trái phép; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo thể hiện nội dung liên quan đến hành vi các bị cáo thực hiện cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét các tài liệu chứng cứ phù hợp nhau về thời gian, địa điểm, mục đích thực hiện hành vi; các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 24/01/2024, Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1 đã thực hiện việc đón, chở 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để đi sâu vào nội địa tránh sự kiểm soát của lực lượng chức năng theo yêu cầu của người đàn ông tên H3 (không rõ thông tin về họ tên, địa chỉ) với tiền công được hứa trả là 3.000.000đ/người, khi cả nhóm đang di chuyển từ H về thành phố C, đến địa điểm Bản Bó, xã N, huyện H thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện. Do không thực hiện trót lọt nên Q với H1 chưa nhận được tiền công.

Xét thấy hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1 tổ chức đón, đưa công dân vượt biên trái phép đi sâu vào nội địa Việt Nam mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để hưởng lợi về kinh tế. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp luật, không oan.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò chỉ là người làm thuê, giúp sức, còn chủ mưu là người đàn ông không quen biết. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, cả 02 bị cáo với vai trò đều là người thực hành. Bị cáo Q là người được đối tượng tên H3 đặt vấn đề thuê đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và bị cáo đã rủ bị cáo H1 cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc các bị cáo nhận đưa, đón người nhập cảnh trái phép không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bố bị cáo Nguyễn Đức Q là ông Nguyễn Kim T, bố bị cáo Lê Đức H1 là ông Lê Hồng G đều là thương binh hạng A; Do đó cả 02 bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi, nguyên nhân phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra và vai trò các bị cáo. Hội đồng xét thấy: Cả 02 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có một tình tiết tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát và giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung; Khi quyết định hình phạt cần xử bị cáo Q mức án cao hơn bị cáo H1.

Xét thấy mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*

hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 điện thoại, 02 xe mô tô thu giữ của các bị cáo là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, xét cần tịch thu hóa giá lấy tiền sung công quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức Q, Lê Đức H1; xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Đức Q 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/6/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo Lê Đức H1 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/6/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước số tài sản đối với các bị cáo:

- Đối với Nguyễn Đức Q:

+ 01 điện thoại di động được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12 Pro của Nguyễn Đức Q”, mặt sau có chữ ký của các thành phần niêm phong và đóng 04 dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 21D1-244.93, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE A, màu sơn: Xanh, dung tích xi lanh: 109.2cm³, số máy: JA70E0109581, số khung: RLHJA3930PY080282, số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2023; xe đã qua sử dụng (không có gương chiếu hậu), có 01 chìa khóa xe máy kèm theo.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe mô tô trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 01/02/2024 của Phòng C Công an tỉnh C.

- Đối với Lê Đức H1:

+ 01 điện thoại di động được niêm phong trong 01 (Một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12 Pro của Lê Đức H1”, mặt sau có chữ ký của các thành phần niêm phong và đóng 04 dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

+ 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 21EA-226.58, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE A, màu sơn: Xanh, dung tích xi lanh: 109.2cm³, số máy: JA70E0178140, số khung: RLHJA3930PY120280, số chỗ ngồi: 02, năm sản xuất: 2023; xe đã qua sử dụng (có 01 chìa khóa xe máy kèm theo).

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe mô tô trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 01/02/2024 của Phòng C Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 107 ngày 28/5/2024.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức Q và Lê Đức H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng (PC11);
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PA09);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PV06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

**Nguyễn Phương
Nghĩa**

Nông Thị Vân

Nông Biên Hòa